

PHÁT HUY MẠNH MỀ HƠN VAI TRÒ CỦA CÁC TẬP ĐOÀN KINH TẾ LỚN TRONG PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ NƯỚC NHÀ

GS-TSKH Lê Du Phong

1-Chủ trương và kết quả đạt được.

Những đổi mới thường xuyên và ngày càng quyết liệt, sát với thực tiễn của đất nước và với xu thế phát triển của thời đại trong những năm đổi mới vừa qua, nhất là trong những năm gần đây đối với các thành phần kinh tế, đã giúp cho hệ thống doanh nghiệp nội địa của nước ta không ngừng phát triển và lớn mạnh, trong đó nổi bật là việc xây dựng các tập đoàn kinh tế mạnh:

i)-Chủ trương giảm nhanh số lượng hệ thống các doanh nghiệp nhà nước; cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh mà Nhà nước không cần nắm giữ (hoặc nắm giữ ở mức độ cần thiết); tập trung xây dựng một số tập đoàn, Tổng công ty lớn, có tầm cỡ quốc gia và quốc tế, làm nòng cốt trong phát triển kinh tế chung của đất nước, nhất là ở những lĩnh vực kinh tế tư nhân không được làm, hoặc chưa muốn làm.

-Chủ trương tổ chức lại hệ thống DNNN được đề ra từ đại hội VII (1991), đến Đại hội VIII(1996) nhấn mạnh “ Triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hóa DNNN” (Văn kiện Đại hội VIII, trang 94).

-Đại hội IX (2001) chủ trương “ Xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế. Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hóa và đa dạng hóa sở hữu đối với những DN mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn; giao, bán, khoán, cho thuê...các DN nhỏ Nhà nước không cần nắm giữ; sát nhập, giải thể, cho phá sản những DN hoạt động không hiệu quả và không thực hiện được các biện pháp trên” (Văn kiện Đại hội IX, trang 96-97).

Chủ trương này của Đảng được tiếp tục khẳng định mạnh mẽ tại Đại hội X(2006), Đại hội XI (2011), Đại hội XII (2016), đặc biệt là trong Nghị quyết Hội nghị BCH TW 5 (khóa XII) tháng 5/2017 về “ Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN”.

Nhờ đó, số lượng DNNN đã giảm khá nhanh qua các thời kỳ. Năm 1995 cả nước có 6.310 DN, thì đến năm 2000 còn 5.759 DN, năm 2010 còn 3.281 DN và đến 2016 còn 2.662 DN.

Đặc biệt, một số tập đoàn kinh tế nhà nước lớn đã được xây dựng và có vai trò rất quan trọng trong một số lĩnh vực hoạt động thiết yếu của nền kinh tế. Cơ chế tổ chức, quản lý của các tập đoàn này ngày càng được hoàn thiện theo các chuẩn mực quốc tế. Hoạt động sản xuất-kinh doanh của nhiều tập đoàn đã dần đi vào ổn định và có hiệu quả., một số tập đoàn đã vươn ra khu vực và thế giới.

Bảng 1: Tình hình sản xuất-kinh doanh của 10 tập đoàn
kinh tế nhà nước lớn nhất năm 2018

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

STT	Tên tập đoàn	Doanh thu	Lợi nhuận TT
1-	Petrolimex(Xăng dầu)	153.687	4.785
2-	Vinachem (Hóa chất)	45.418	164
3-	Viettel	249.300	43.936
4-	Dầu khí (PVN)	271.404	48.220
5-	Điện Lực (EVN)	300.045	8.145
6-	Cao su (VN Rubber)	22.840	4.728
7-	Dệt –May (Vnatex)	17.447	1.748
8-	Bảo Việt	24.042	1.934
9-	Than-KS (Vinacomin)	107.020	3.051
10-	VNPT	55.830	5.156

Nguồn: Tổng cục thống kê.

Bảng trên cho thấy 10 tập đoàn doanh nghiệp nhà nước hàng đầu của nước ta, tập đoàn nhỏ cũng có doanh thu gần một tỷ USD(khoảng 740 triệu), còn tập đoàn lớn đạt khoảng 13 tỷ. Lợi nhuận trước thuế, thấp nhất là 7 triệu USD, cao là trên 2 tỷ. Đây là một thành tựu rất đáng tự hào.

ii)-Chủ trương coi trọng phát triển khu vực kinh tế tư nhân (cả về số lượng DN, chất lượng hoạt động sản xuất-kinh doanh và vai trò, vị trí của nó trong nền kinh tế).

Từ chỗ coi khu vực kinh tế tư nhân là khu vực kinh tế “ phi XHCN” “ sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn”(Văn kiện Đại hội VI, tr 63), đến chỗ thừa nhận KTTT là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN(tuy nhiên KTNN vẫn là chủ đạo, KTNN và KTTT ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền KTQD (Đại hội VIII –Đại hội X). Đại hội XI thừa nhận “ Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế”, Đại hội XII thì xác định” Là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế”.

Đặc biệt Nghị quyết Hội nghị BCH TW lần thứ 5(khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân đã xác định: “Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế. Kinh tế NN, kinh tế TT cùng với kinh tế TN là nòng cốt để phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ...Khuyến khích hình thành các tập đoàn KTTN đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn KTNN, có đủ khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu (Báo Hà Nội mới, 7/6/2017).

Nhờ đó, khu vực kinh tế tư nhân của nước ta đã có sự phát triển khá nhanh. Năm 1995 mới có 18.243 DN ngoài NN, thì đến năm 2000 là 35.004 DN, năm 2010 là 268.831 DN và năm 2017 là 518.000 DN.

Đặc biệt đã có một số tập đoàn kinh tế tư nhân được hình thành, có vai trò khá quan trọng đối với hoạt động sản xuất-kinh doanh ở một số lĩnh vực của nền kinh tế nước nhà, cũng như bước đầu vươn ra các quốc gia trong khu vực và thế giới.

Bảng 2: Tình hình hoạt động sản xuất-kinh doanh của 10 tập đoàn

kinh tế tư nhân lớn nhất, năm 2017-2018

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

TT	Tên tập đoàn	Doanh thu	Lợi nhuận ST
1-	Vingroup	122.575	9.114
2-	MWG(Thế giới di động)	86.390	2.200
3-	Vinamilk	51.140	10.000
4-	DOJI(vàng-bạc-đá quý)	52.000	726
5-	Ô tô Trường Hải	83.000	8.633
6-	Hòa Phát	55.000	8.000
7-	FPT	40.540	4.200
8-	VietJet	-	4.755
9-	VP Bank	42.000	8.100
10-	Masan	37.000	3.600

Nguồn: Tổng cục Thống kê Ghi chú: Riêng Vingroup và Hòa Phát tính năm 2018

Bảng trên cho thấy, trong 10 tập đoàn KTTN hàng đầu, tập đoàn có doanh thu nhỏ nhất cũng đạt 1,6 tỷ USD, còn tập đoàn lớn nhất đạt tới 5,3 tỷ. Lợi nhuận sau thuế thấp nhất là 31 triệu USD, cao nhất lên tới 434 triệu. Với thời gian ra đời hết sức ngắn ngủi mà đạt được kết quả như vậy là đặc biệt quý giá.

2-Một số vấn đề đang đặt ra

Cùng với những chủ trương và kết quả đã đạt được như nêu ở trên, thực tiễn phát triển các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam (cả nhà nước và tư nhân) đang đặt ra một số vấn đề (cả chủ trương, cơ chế và chính sách) cần được nghiên cứu, xử lý một cách có cơ sở khoa học:

2.1)- Đối với các tập đoàn KTNN

i)-Những vấn đề thuộc về cơ chế tổ chức, quản lý các tập đoàn như: Quyền và trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu vốn và tài sản của Nhà nước; vai trò của Bộ chủ quản và cơ quan chủ quản; sự can thiệp của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các tập đoàn(Thanh tra, Thuế, Hải quan...); vai trò và việc bảo đảm tài chính cho hoạt động của các tổ chức chính trị trong tập đoàn; bố trí cán bộ lãnh đạo tập đoàn và các đơn vị thành viên của tập đoàn (công chức nhà nước, hàm nọ, hàm kia, tiêu chuẩn lý luận chính trị...), mức độ gánh vác trách nhiệm xã hội của các tập đoàn.v.v

ii)-Tính hiệu quả của các hoạt động sản xuất-kinh doanh. Vấn đề được đặt ra là: Các tập đoàn KTNN hoạt động trên những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế(tất nhiên cũng có lĩnh vực khó khăn), được Nhà nước đầu tư mọi thứ, và đầu tư rất lớn, được ưu tiên về nhiều phương diện... thế nhưng hiệu quả hoạt động sản xuất-kinh doanh mang lại thấp, có tập đoàn còn bị lỗ nặng, nợ phải trả của một số tập đoàn khá cao(Nợ của TD dầu khí (năm 2017) là 146.585 tỷ VNĐ, của Điện lực là 132.071 tỷ đồng, Than-Khoán sản là 48.648 tỷ, Hóa chất là 28.417 tỷ...). Người ta tính 83 tập đoàn, Tổng công ty nhà nước lớn, có tổng tài sản năm 2017 là 2.776.384 tỷ đồng, nhưng có tổng số nợ phải trả là 1.530.667 tỷ đồng (55% tổng tài sản).

iii)-Tính minh bạch trong quản lý của các tập đoàn còn hạn chế, tình trạng lãng phí, thất thoát, tham nhũng (tài sản và tiền của) còn diễn ra khá nghiêm trọng ở một số tập đoàn.

2.2-Đối với các tập đoàn KTTN

Vấn đề đáng nói nhất đối với các tập đoàn KTTN là: Từ khi Đảng và Nhà nước ta thừa nhận sự tồn tại của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều Bộ luật và Luật, đưa ra nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích khu vực kinh tế này phát triển (chỉ tính từ năm 2008-2016 Quốc hội đã ban hành 120 Bộ luật, Luật và Pháp lệnh có liên quan đến hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong đó có những Bộ luật và Luật rất quan trọng như: Luật đất đai, Doanh nghiệp, Đầu tư, Phá sản, các Luật về thuế.v.v.)

Tuy nhiên, do Luật và các cơ chế, chính sách được ban hành chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ và cũng chưa đủ rõ ràng; mặt khác, đội ngũ công chức thực thi công vụ trình độ còn hạn chế, phẩm chất kém, những nhiễu, tham nhũng,...nên đã làm cho một số tập đoàn tìm cách lách Luật, chạy chọt, móc ngoặc trong hoạt động sản xuất-kinh doanh, nhất là trong tiếp cận nguồn lực đất đai, nguồn lực tài chính, trong hợp tác quốc tế, trong đấu thầu các dự án.v.v. Từ đó tạo sự không bình đẳng trong cạnh tranh, sự méo mó của thị trường. Điều này đã làm cho dư luận xã hội nghi ngờ về sự giàu lên nhanh chóng và có phần bất thường của một số chủ tập đoàn.

3-Một số khuyến nghị

Để góp phần khắc phục những điều đặt ra ở trên, tạo điều kiện để phát huy mạnh mẽ hơn vai trò của các tập đoàn kinh tế đối với phát triển kinh tế -xã hội đất nước trong những năm tới, Tôi xin khuyến nghị một số điểm sau đây:

i)-Tiếp tục đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế theo hướng: Đầy đủ, đồng bộ, rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ và hội nhập quốc tế, nhằm tạo ra môi trường pháp lý thực sự thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế, nhất là cho các tập đoàn kinh tế hoạt động và cạnh tranh bình đẳng trên thị trường.

ii)-Tiếp tục rà soát và kiên quyết loại bỏ các điều kiện, các thủ tục hành chính gây ra sự nhiễu, phiền hà, những nhiễu đối với hoạt động sản xuất-kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, các tập đoàn kinh tế nói riêng.

iii)-Tập trung kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế các cấp: Nghiên cứu, giảm các cơ quan, các tổ chức, các đầu mối trung gian không cần thiết; đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ, công chức không đủ năng lực và phẩm chất trong thực thi công vụ, đồng thời phải thay đổi một cách căn bản việc trả lương cho đội ngũ này. Lương công chức phải bảo đảm cho họ có mức sống trung lưu trong xã hội.

iv)-Trả lại cho các tập đoàn kinh tế nhà nước vai trò đích thực của nó, đó là một doanh nghiệp, tức là:

-Hãy mạnh dạn xóa bỏ bộ chủ quản, cơ quan chủ quản đối với các tập đoàn kinh tế nhà nước. Chuyển họ sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

-Về nhân sự, không nên đưa công chức nhà nước (với chức vụ này, hàm họ) về làm lãnh đạo nữa, mà nên tuyển chọn thông qua thi cử, sau đó là hợp đồng thuê một cách rõ ràng, minh bạch có thể cả người nước ngoài).

-Tách trách nhiệm xã hội ra khỏi chức năng, nhiệm vụ của của các tập đoàn kinh tế nhà nước. Khi Nhà nước cần các tập đoàn này tham gia vào một hoạt động xã hội nào đó, Nhà nước phải có hợp đồng thuê mướn rõ ràng, chi trả sòng phẳng.

Đối với các tập đoàn kinh tế tư nhân, nếu chúng ta giải quyết tốt những vấn đề nói trên, thì những tiền đề sinh ra các hạn chế của họ cũng sẽ bị triệt tiêu .